ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

Sưu Tập trình bày: Pháp sư Bảo Lượng-Đời Lương.

QUYỂN 38

Phẩm 20: **PHẠM HẠNH** (Phần 3)

- Giải thích: ý nghĩa của Địa vị "Cực ái nhất tử".
- Nói Đức Phật không bao giờ gây ra nhân duyên phiền não cho chúng sinh.
- Nói: Giải thích việc giết Bà-la-môn để được địa vị nhất tử.
- Nói Bà-la-môn vào địa ngục, phát ba niệm.
- Nói việc giết xiển-đề không có tội.
- Nêu ra duyên khởi về quỷ thần Khoáng Dã.
- Phát hiện dấu vết của Điều-đạt.
- Kết tu tâm xả, đó là địa vị không, bình đẳng.
- Giải thích rộng về nghĩa mười một không.

"Này người thiện nam! Đại Bồ-tát" cho đến "Được trụ vào địa vị Cực ái nhất tử."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Sau đây dùng năm ví dụ giải thích tên địa này."

Pháp sư Tăng Tông nói: "Đoạn bốn là kết ba quả vô lượng, nói Cực ái nhất tử: Đây là Địa thứ bảy. Nói Bồ-tát Thất địa thấy chúng sinh vẫn còn đau khổ, thậm chí máu tuôn chảy xối xả xuống đất. Ái này sâu hơn trước, vì tốt đẹp hơn. Bát địa trở lên, một tâm có đủ muôn hạnh. Vì thôi dứt hai tướng "Không" "Hữu", cho nên chìm mất ái kia, gọi là thọ tên gọi "Bất bình đẳng". Sau đây có năm thí dụ:

1. Thí dụ cực ái.

2. Thí dụ dưới đây có bốn ví dụ. Ví dụ con một là nói về tâm từ bình đẳng khi mới Đăng địa."

"Này người thiện nam! Sao địa này gọi là cực ái?" cho đến "Thế nên địa này gọi là cực ái."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Ví dụ thứ nhất nói thấy điều lành

thì vui mừng."

Pháp sư Tăng Tông nói: "Đây là dụ cho Hỷ vô lượng."

"Này người thiện nam! Ví như cha mẹ thấy con đau ốm" cho đến "Vì thế, nên địa này gọi là Nhất tử."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Ví dụ thứ hai nói thấy điều xấu ác thì lo lắng."

Pháp sư Tăng Tông nói: "Bốn ví dụ sau đây là nói về khổ bệnh, khổ có nhẹ nặng. Về nghĩa, suy ra có từ bi, nhưng thiếu xả."

"Này người thiện nam! Ví như con người lúc còn bé thơ, lượm đất cục" cho đến "Vì thế, nên địa vị này gọi là Nhất tử."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Ví dụ thứ ba nói về dạy bảo thực hành pháp lành."

Pháp sư Tăng Tông nói: "Tay trái đỡ đầu con, dụ cho thật tuệ. Tay phải móc ra, dụ cho tuệ phương tiện."

"Này người thiện nam! Ví như đứa con được cha mẹ yêu thương" cho đến "Vì thế, nên địa này gọi là Nhất tử địa."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Ví dụ thứ tư vào địa ngục là vì chúng sinh.

"Này người thiện nam! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con" cho đến "Vì thế, nên địa này còn gọi là Nhất tử địa"

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Ví dụ thứ năm là nói về không giận thêm ác, hoặc giận thêm ác là khổ vô ích. Bồ-tát không làm việc ấy. Kết xả tự có địa riêng nay chỉ nói ba."

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế tôn!" cho đến "Lại do nhân duyên gì không đọa vào địa ngục?"

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Nghe trên đây đã dùng năm ví dụ để giải thích danh hiệu địa. Nay, hỏi Phật: "Vì khi Bồ-tát cắt đứt mạng căn của người đã không tương xứng với ý nghĩa của địa, mà sao vẫn không đọa địa ngục, tiến lùi chưa rõ?"

"Nếu tâm từ bình đẳng, nhìn tất cả chúng sinh" cho đến "Làm sao không trái với nghĩa?"

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: "Trước, nêu việc giết Bà-la-môn để hỏi về thân nghiệp của nhân địa. Nay nêu chuyện mắng nhiếc Đề-bà- đạt-đa, nhằm thưa hỏi về miệng nghiệp của nhân địa. Nếu thân, miệng đã như vậy, thì ý nghiệp phải biết ra sao rồi."

Pháp sư Bảo Lượng nói: "Bồ-tát Ca-diếp lập ra hai câu hỏi, có bốn quan điểm. Y cứ từ đầu dẫn đến sau cùng, về sự vì không thiếu sót, nên sau đây sẽ nêu ra sự việc để xem xét Đức Phật không còn như vậy."

"Bạch Đức Thế tôn! Tôn giả Tu-bồ-đề trụ hư không địa" cho đến "Làm cho các chúng sinh khởi tâm ác nặng nề."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Các Thanh văn còn gìn giữ ý nghĩ mình, huống chi là Phật, Bồ-tát mà khởi việc ác nặng nề ư?"

"Phật bảo Ca-diếp: "Nay, ông không nên cho đến, không bao giờ làm nhân duyên phiền não cho chúng sinh."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Đức Phật sẽ chính đáp, trước là mượn ví dụ qua lời lẽ giả thiết, để nói rằng Phật không làm nhân duyên phiền não cho chúng sinh, có hai ý: Trước, nói Phật thật sự không làm. Sau, nói Bồ-tát Ca-diếp không nên nói như vậy.

Cây Khư-đà-la khi cháy thành tro rồi, hễ đốt thì cháy suốt sáu ngày mới tắt, chất nó chắc, bén nhọn, rất dễ gây thương tích cho người.

"Này người thiện nam! Như ông vừa nói, ngày xưa Như lai" cho đến "Cuối cùng không cướp đi mạng sống của các chúng sinh."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Trong phần chính thức đáp có ba ý. Đây là ý thứ nhất, nêu sáu độ để nói, chính là thí cho thân mạng mình, đâu thể nói là cướp mạng. Đối với con kiến, còn không vô cớ mà giết, huống chi là Bà-la-môn ư? Nêu ra độ đầu, chỉ nói hiện tại có ích. Nêu năm độ sau, để nói về sự lợi ích của hai đời."

Pháp sư Tăng Tông nói: "Sau đây sẽ đáp về quan điểm trước của câu hỏi đầu: Là pháp Bồ-tát đối với một con kiến, còn không cố giết, huống chi là Bà-la-môn, nhưng tự người này nếu không giết, cũng đọa địa ngục. Nay, bậc Thánh vì làm nhân duyên, nên đã làm cho chúng bỏ mê nhanh chóng. Nếu không làm duyên bên ngoài cho chúng thì sẽ sa đọa không có ngày ra khỏi. Cho nên gieo nhân duyên giải thoát, mà chẳng cho là giết. Nhân đó, sự việc sáng tỏ, nói về việc Bồ-tát làm là thường bố thí cho chúng sinh thọ mạng, sao lại hỏi rằng dứt thân mạng của người kia? Tuy nhiên, Bồ-tát đã thí cho chúng sinh sự sống lâu dài, đó là quả Phật. Mạng của pháp tánh vô vi chỉ có vui, không có khổ, há lại cho chúng sinh kia sự sống chết với mạng ba thọ lạc ấy ư? Nên biết rằng lý đó là tất nhiên.

"Bấy giờ đã được địa này", chỉ vì tự tâm từ nên giết, chứ chẳng phải vì tâm ác. Đặt ra một ví dụ để làm rõ: Chính là vì che chở giữ gìn chánh pháp, nên cắt đứt mạng sống người kia, để cho tâm lành của họ được sinh ra! Nhưng Bồ-tát thường sinh tâm này là tùy theo chúng sinh, người sinh ra pháp lành, bất luận tốt xấu, phải vì lợi ích cho họ. Cho nên sau khi qua đời, các Bà-la-môn liền sanh ba niệm: Đã bỏ quả báo thế gian, cảm thọ khổ nặng ở địa ngục, liền biết việc làm của mình là xấu

xa, gồm được túc mạng trí, biết mình từ cõi người đến và biết nơi đọa là địa ngục. Tỏ ngộ rằng, do chê bai kinh mà phạm tội rất nặng, đó là lý do gây nên quả báo này.

Đã biết tội nghiệp như thế, nên có chí kính tin, cung kính ăn năn, những việc mình đã làm trước kia, thì phá bỏ được nghiệp xưa, sinh lên cõi trời, cõi người. Cho nên biết rằng, sinh niềm tin đối với lý thường, một khi đã học hiểu tới rồi thì chẳng có gì không cảm, tự nhận hiểu rằng: "Đã đọa vào A-tỳ, chịu khổ Vô gián, thì lẽ ra không được sinh ba ý niệm: Một người đã hiểu, không kiêng sợ gì ở cõi này bị ngăn ngại, mới bị đọa vào Vô gián không được thọ vui. Đâu chấp nhận trong sự biết về khổ, đều không được sanh tâm, mà lại có đối tượng để ghi nhớ trong tâm ư? Nên biết lời này không có chướng ngại."

"Này người thiện nam! Trước đây ông đã hỏi: "Giết Bà-la-môn" cho đến "Dứt mạng căn của họ, chẳng phải do tâm ác."

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: "Đây là ý thứ hai, nói được địa này, nên vì ba ý nghĩ, vì lợi ích nên giết, do đó không có tội."

"Này người thiện nam! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con" cho đến "Đó là vì muốn cho chúng sinh chừa bỏ tội ác trong dĩ vãng để tu theo pháp lành."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Trực tiếp dùng nghĩa sát của tâm từ để làm thí dụ, không dùng ví dụ cùng khắp."

"Ý Bồ-tát thường nghĩ" rằng cho đến "Tuy từng phương tiện, phải vì đem lại niềm tin và lợi ích cho chúng sinh."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Chỉ làm sao cho việc có ích, bất luận là thiện hay ác."

"Sau khi Bà-la-môn chết" cho đến "Tuổi thọ đến mười kiếp, làm sao gọi là giết?

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Do giết mà bố thí mạng sống, không làm họ khởi phiền não, để chứng thành nghĩa của Địa."

"Này người thiện nam! Nếu có người đào đất, cắt cỏ, đốn cây" cho đến "Dù giết hại mạng chúng, mà chẳng có tâm ác."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Đáp câu hỏi: "Không vào địa ngục." Ở trên nói: "Vì tâm lành mà giết, nên không có tội, giống như cha mẹ vì tâm lành mà giết con, nên được vô tội, cho nên phải nói. Ở đây nói là ta không có tâm ác, đất lại không có tội, nên không đọa địa ngục. Nói về người mắc tội sát, có ba thứ: Một là do tâm mà mắc tội, như người với tâm ác, giết xiển-đề; hai là do địa mà đắc tội, như người có tâm lành, giết người lành; ba là do tâm, địa cùng mắc tội như người

có tâm không lành, giết người lành."

Pháp sư Tăng Tông nói: "Chứng minh không có tâm ác, dù có giết cũng không có tội."

Pháp sư Bảo Lượng nói: "Đáp quan điểm sau của câu hỏi đầu: "Vì không có tâm giết, nên không đọa địa ngục. Vì Bà-la-môn đều là xiển- đề, không có nghĩa làm thương tổn ruộng phước, nên biết mắc tội giết, tất nhiên là do người có tâm ác vì làm tổn thương ruộng phước kia."

"Này người thiện nam! Cứ theo giáo pháp Bà-la-môn, nếu giết chết con kiến" cho đến "Thì sẽ phải đọa địa ngục trong vô số ngàn năm!"

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Sắp nói về nghĩa đắc tội qua việc giết hại Bà-la-môn không có tùng địa. Trước là nêu ra lời ngoại đạo nói: "Có khi giết mà không có tội." Thuyết này là sai!"

"Này người thiện nam! Phật và Bồ-tát biết rằng, giết hại có ba" cho đến "Vì thế, nên dù có giết hại họ, cũng sẽ không đọa địa ngục."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Nói là ở ba, nghĩa là tùng địa đắc tội. Nếu không rơi vào ba hạng này thì vì xiển-đề dứt mất gốc lành, nên không có nghĩa tùng địa mắc tội."

Pháp sư Tăng Tông nói: "Ý thứ ba, là ý chứng minh lý do giết hại không có tội, rằng trong ba hạng, quyết định nhân giết hại mà có lợi, còn không có tội, huống chi không rơi vào trong ba thứ giết hại mà có tội ư?"

"Này người thiện nam! Trước kia ông nói: "Vì sao Như lai" cho đến "Vì Chư Phật, Thế tôn, Ứng, Chánh biến tri biết rõ phương tiện."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Sau đây là đáp câu hỏi trong quả có lỗi của miệng, nói vì biết phương tiện, nên đừng nói lời thô, tế để hỏi, chỉ việc gì làm cho chúng sinh có ích thì nói, không có ích thì không nói. Việc này chẳng phải là "Sở tri" của Nhị thừa."

Pháp sư Tăng Tông nói: "Trong lời đáp này có ba ý: Đây là ý thứ nhất, trước nói về khéo chiếu soi cơ nghi, hễ động thì có lợi ích."

Pháp sư Bảo Lượng nói: "Đáp câu hỏi thứ hai, nói lý do phát ra lời này, nghĩa là vì chủ yếu làm cho vào thời điểm này, pháp này phải có lợi thế thôi! Chư Phật đâu có nói suông?"

"Này người thiện nam! Như một hôm, ta đi ngang qua thôn Khoáng dã" cho đến "Nên thị hiện các phương tiện như vậy."

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: "Ý thứ hai này nói chỉ cần có ích, cho đến chúng sinh phải chịu khổ về thân nghiệp, huống chi lời nói thô ư?"

"Này người thiện nam! Bấy giờ, thật ra ta không mắng nhiếc" cho đến "Ông không nên sanh ra lưới hoài nghi như vậy."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Ý thứ ba, là quét sạch dấu vết, nói Đề-bà-đạt-đa chẳng phải là người thật."

Pháp sư Bảo Lượng nói: "Đáp câu hỏi liên quan về sau. Đề-bà-đạt-đa không phải là tình cảm gần gũi mà lường trước được thì làm sao đọa vào địa ngục này ư?"

"Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế tôn!" cho đến "Cái gọi là rất yêu thương như con một (nhất tử địa).

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: "Từ trước đến nay có năm đoạn:

1. Quyết định danh số của bốn vô lượng.

2. Nói về cạn sâu.

3. Nói tâm từ có lợi ích chân thật.

4. Kết quả của ba vô lượng. Thứ năm này, khen ngợi thuyết của Phật nói."

"Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế tôn!" cho đến "Địa không bình đẳng" như Tu-bồ-đề."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Dùng Tiểu dụ cho chứng Đại. Về lý tất nhiên là bình đẳng."

Pháp sư Tăng Tông nói: "Đoạn thứ tư ở trước đã kết quả của ba vô lượng. Đoạn năm vẫn khen ngợi Phật. Đây là đoạn thứ sáu, kết hiệu quả của tâm xả. Trong đây có tám lớp, nói về nghĩa: Thứ nhất là nói vì tu tâm xả nên được địa "Không bình đẳng", tức khéo biết về "Mười một không", là quả của tâm xả kia.

2. Nói chẳng phải chỉ có "Thức không", mà còn có công năng chiếu sâu thế đế, vượt ngoài tám thứ tri kiến giác biết. Đã "Không" có hai "Giải", nên lớp thứ ba nói được bốn biện tài để lợi ích chúng sinh. Đã là dấu vết có ích, là người chấp ngưng trệ, nghĩa là có bốn thứ để được, nên lớp thứ tư nói mười thứ "Không có" khiển chấp.

Lớp thứ năm, Bồ-tát Văn-thù nêu bài kệ: "Vốn không nay có", với ý còn không chấp, không đắm, để chứng minh "Vô trước". Dù nói vô để dứt hữu mà lại chấp vô, cho là vượt hơn, nên lớp thứ sáu, nói về thuyết trái với "Thường", trừ bỏ cả hai thứ tai họa kia, cho đến ý chỉ trái với "Thường" còn làm cho đương thời có ích, huống chi là giáo hữu, vô mà chẳng có ích hay sao? Ở đây, vật tình đều mê muộn, không có chỗ để gá tâm. Vì thế, nên lớp thứ bảy nói dù không có "Sở đắc", nhưng đối với lý thể, cuối cùng nói rằng có được, vì thế, nên nói Bồ-tát được Đệ nhất nghĩa. Nói Đệ nhất nghĩa tức Niết-bàn.

Lớp thứ tám, nêu đã có kiến, nghĩa là chứng tỏ có đắc, như Tu-bồ- đề, đây là quán không thứ nhất trong Thanh văn. Đã là có thời gian, còn người và "Sở tri", nên mượn cái cạn để nói về cái sâu."

Pháp sư Bảo Lượng nói: "Đoạn năm, kết thúc xả quả cũng đồng với Sơ địa. Nói về bốn hạnh vô lượng, vốn tương quan nhau, không thể lìa nhau. Nay nói được địa bình đẳng, là ngày lên Sơ địa, được vô lậu chân thật. Vì nhận thấy thể của pháp là "Không" nên lấy "Không, bình đẳng" để đặt tên, sở dĩ kết riêng là vì muốn cho người ưa thích pháp "Không" này, mà tu hành."

Pháp sư Trí Tú nói: "Sau đây là đoạn hai có ba phần:

1. Hỏi quả ở địa nào?

2. Hỏi "Không" là "Không" nào?

3. Nói được lợi ích.

Đây là đáp câu hỏi thứ nhất, chính là giải thích quả của tâm xả. Nói quả này ở tâm, cho nên khéo có thể soi chiếu "Không", từ sở chiếu mà có tên, nghĩa là cái mà địa được là "Không, bình đẳng"?

"Này người thiện nam! Đại Bồ-tát" cho đến khéo "Tu tập các pháp "Không"."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Giải thích nghĩa "Không bình đẳng", để nói về tướng của địa, danh của địa. Ví như hư không, nghĩa là giải thích lý do "Không, bình đẳng" là địa: Vì khéo tu các pháp "Không"."

Pháp sư Trí Tú nói: "Nói bổn tánh tự "Không" nên chẳng có đối tượng để thấy, chứ chẳng phải không thể thấy pháp."

"Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế tôn! Sao gọi là "Không"" cho đến "Đó gọi là trong, ngoài đều "Không"."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Tình bên trong gọi là nội, dùng hai thứ "Quán không": Trống không lẫn nhau, như trong bò không có ngựa. "Ngã" không có các pháp khác, gọi là "Không".

2. Đối đãi nhau, gọi là "Không": Do chẳng có ngoài, nên chẳng có trong. Vì sao? Vì cha mẹ là ngoài, cũng không tự ngoài, vì nhân trong cho nên ngoài. Vì bên trong là không, nên bên ngoài chẳng thật có. Vì ngoài chẳng thật có, nên chẳng có trong, tuổi thọ của chúng sinh, thường lạc, ngã, tịnh. Bảy pháp đều chấp ngang trái cũng gọi là ngoài. Kinh Đại Phẩm chép: "Hai đế không có chúng sinh, mà biết chúng sinh... là chấp ngang trái. Dù có Phật tánh, nhưng vì chấp ngang trái bảy pháp nên có thể vô. Vì Phật tánh không ngang trái, cho nên phải nói. Pháp trong, pháp ngoài là khác nhau. Vì có riêng nên có chung,

"Không" cũng đồng với ở trên. Không ở hai "Không", nghĩa là hai "Không" trong, ngoài, chẳng ở "Không" đối đãi nhau. Chỉ nói hai, là trong cái riêng đã "Không", thì trong cái chung rất dễ hiểu."

Pháp sư Tăng Tông nói: "Mười một "Không" chính là giáo nhất thời của kinh này. Từ Đại phẩm, các kinh mới có mười tám "Không". Phải biết rằng, "Không" chẳng có nhiều, ít, vì dứt "Hoặc" có rộng, hẹp, nên giáo môn không đồng. Y theo mười một môn, năm "Không" trước, bài trừ bệnh gia của sáu đế. Trong Bách luận nói: Ngoại đạo chấp có một pháp có chung, kết hợp với tất cả pháp". Nay, năm "Không" ở trước khiển trách tâm chung của họ:

Nói trong nội không có ngoại, trong ngoại không có nội. Hữu vi, vô vi cũng như vậy, đâu có pháp chung để kết hợp với pháp? Vô thỉ thứ sáu, khiển trách chấp của các nhà chủ trương hai mươi lăm đế.

Năm "Không" ở trên thì mê quả, còn "Minh đế" ở này là mê nhân. Tình người, nghĩa là dứt trừ nhắm vào chấp ngang trái, mới có "Không" sinh. Nay nói không đợi dứt bỏ chấp ngang trái, chỉ thể tánh của pháp kia tự là "Không".

Chẳng có tất cả "Không", là trước dù nói tánh "Không", nhưng lấy gì để giải thích ư? Nay dùng trí để xem xét lại, thì thấy đều không có sở hữu, nghiệm xét là "Không".

Đệ nhất nghĩa không: Nói về chỗ "Có" sinh ra sự chấp đắm. Trước kia mượn vô để khiển trách hữu. Vô này đối với hữu lý ấy vượt hơn. Đây là khen ngợi thứ nhất để nhận danh.

"Không không" là vật, tình sinh chấp, nghĩa là bỏ hữu, hội lý "Không", lý cực ở đây. Chấp lý "Không" này tốt đẹp hơn lại thành bệnh! Nói vốn vì bỏ "Hữu", nên nói là "Không", đều có cái không để được ư?

"Đại không": Trước đã bỏ cảnh, nay lại bỏ trí, cảnh trí đều quên, mới là Đại. Vì trong pháp nội không có pháp ngoài, đâu có một cái hữu chung trùm khắp tất cả chỗ? Chưa được thì gọi là tánh, đã được thì gọi là Tam bảo.

Chẳng phải trong, chẳng phải ngoại: Vì chúng sinh là hữu vi, Phật tánh vô vi. Vì vô vi, nên nói chẳng phải trong. Vì không lìa chúng sinh mà có tánh, nên nói chẳng phải ngoài.

Trong, ngoài "Không": Tâm của hai "Không" ở trên yếu ớt, nên không thể đều quán. Nay, vì năng lực của tâm đã chuyển biến vượt vượt hơn, nên có thể song quán. Tâm của Bát địa đâu có mạnh, yếu, mà chỉ bày môn "Không" có thứ lớp, chỉ có Phật tánh chẳng ở hai "Không",

nghĩa là song quán hai pháp, dù rằng còn sự khác nhau giữa trong ngoài, nhưng "Có" là đồng, mà Như lai Phật Tánh, Tam bảo, đều chẳng phải là pháp "Có". Vì thế, nên dù song quán nhưng trong ngoài đều không gồm thâu bốn pháp này.

Nay, đến khi song quán, chẳng nói là không có cha mẹ, mà chỉ nói không có Tam bảo..., là vì cha mẹ từ đầu đến cuối không lìa trong ngoài, nên không nói lại, mà vì Tam bảo chẳng phải trong ngoài, nên nói như thế."

Pháp sư Bảo Lượng nói: "Đây là đoạn sáu, nói trong quả Sơ địa, lại tiến lên tu mười một "Không" cho đến quả Thập địa, cũng như trong hạnh Thánh đã được sơ trụ xong, lại tu hai mươi lăm tam-muội. Về nghĩa mười một "Không" này, người hiểu biết khác nhau, có người lầm lẫn với người không có kiến giải, nên cho rằng mười một "Không" này chẳng phải đối tượng quán (sở quán) của Sơ địa.

Nay, sẽ giải thích: Mười một "Không" này đều là môn gần, xu hướng về đạo, con đường quan trọng để chứng lý cực quả.

Chín "Không" ở trước là chín người, mỗi người đều tự nắm lấy một "Không" để nhập đạo, cho đến chín địa. Vì sao? Vì nói chín "Không" trước kia đã không giải thích về mức độ sâu cạn của Hữu, đến thứ mười, mười một mới nói, nên biết, mỗi người đều tự theo đuổi phương tiện dễ dàng mà người tu tập trước đã ưa thích để bước vào đạo.

Nay nói nếu khi được môt "Không" đầu thì các "Không" còn lại, lẽ đương nhiên đều được cả, chỉ vì theo đuổi thói quen là hữu trước kia, là vì đã có bốn "Không" ở trước, lại chứng thành lẫn nhau. Hai "Không" kế tiếp, đem sau để chứng minh trước. Lại, một "Không" đem cái giả để chứng cái thật. Các cái "Không" còn lại, đều đương vị để nói về nghĩa. Như khi quán "Không" nội, nếu thấy đều "Không" thì biết ngay quán nội đã thành tựu. Nếu "Không" như vậy, thì sẽ chẳng thành. Quán "Không" nội, nghĩa là quán trực tiếp năm ấm của mình là nội. Nếu thấy năm ấm của mình cũng là lúc thấy kẻ oán người, thân đều không, biết "Không" bên trong đã thành, ngoài thường, lạc, ngã thì tài vật đều "Không". Vì sao? Vì các pháp của đầu quả chẳng phải năm ấm nội, cũng chẳng phải năm ấm ngoài, cho nên phải dứt trừ."

Lại, một cách giải thích khác: "Lúc khởi quán trong, thì bốn pháp như Phật v.v... thì tài vật v.v... đều thuộc về bên ngoài, vì không phải chánh quán "Ngã". Phật tánh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, nghĩa là tánh chất của chánh nhân là "Kiến giải" tránh khổ, tìm vui, với công dụng tìm kiếm kiến giải này, khi công dụng đã không thì chẳng có. Dù ở

trong năm ấm, nhưng năm ấm có thể dứt trừ mà kiến giải này thì không thể mất, sau cùng sẽ thành Phật. Cho nên ghi chép thường dụng từ đầu đến cuối này, không có pháp hưng thịnh, bỏ phế là chánh nhân, nên tạo thành quán trong, ngoài. Trong pháp nội này, vì là chánh quán của "Ngã", cho nên phải phân biệt.

Thường trụ không thay đổi: Chẳng phải thường vắng lặng, mà chỉ vì "Giải" này chẳng hề không có, nên nói là thường. "Không" bên ngoài, là cũng không có như vậy. Pháp nội, là có người quán trực tiếp "Không" bên ngoài, cũng không thấy có. Lúc năm ấm nội khác với pháp ngoài, thì biết được quán bên ngoài đã thành. Ở đây cũng như vậy. Bốn pháp như Phật... và tánh chất của chánh nhân, cũng còn phải phân biệt. "Không" trong và ngoài, là người này là nhà phát ra pháp, nhưng quán trong ngoài chẳng vượt qua trong ngoài, song quán đều "Không", chẳng có đối tượng chứng thành. Chỉ có Như lai, Pháp, Tăng, Phật tánh đều chẳng ở hai "Không" trong ngoài, nghĩa là lại phân biệt xuất ly, vốn quán hai pháp trong và ngoài sinh tử. Tam bảo... không phải là pháp sinh tử, nên phân biệt.

Pháp sư Trí Tú nói: "Dưới đây là đáp câu hỏi thứ hai, nêu tên "Không", đều giải thích về pháp quán. Trước nêu danh từ "Không", "Không" có mười một, là phương pháp giáo hóa ở một phương, tìm không vô có mười một "Duyên" khiến cho chúng sinh bị bệnh vì theo đuổi pháp là riêng nên có mười một!

Kế là, giải thích về pháp quán. Do người ngoại đạo chấp có một "Ngã" lớn khắp tất cả chỗ, với phần "Hữu" là "Một". Dùng năm "Không" ban đầu để lẫn về lý "Vô". Nói về các pháp trong ngoài không được "Hữu" lẫn nhau, vì đả phá chúng sinh chấp pháp quán trong đầu , tức là thân mình. Xét tìm thân này không có các pháp ngoài, cho rằng trong là "Không", lại trừ Phật tánh, là "Duyên" Phật tánh, dù lệ thuộc chúng sinh, nhưng vì chẳng nhất định ở trong, ở ngoài, nên tùy thích nghi mà dứt trừ.

Quán pháp trong: "Chẳng có mạng sống lâu, nghĩa là không có mạng chúng sinh bên ngoài."

Quán Hữu vi "Không" rằng: không có tuổi thọ, tức là đương quả thường trụ mạng. Quán vô vi không rằng vô ngã: Đây là nắm lấy thể của pháp năm ấm hữu vi không có năng lực tự tại, gọi là vô "Ngã", chẳng phải là vô ngã của Đệ nhất nghĩa "Không".

Quán vô thỉ "Không", nhằm phá tan chấp tám muôn kiếp trở đi của người ngoại đạo, là điều mà họ không biết, rồi gọi là Minh đế và

cho là thường. Nay quán sát trong đây các pháp, thường lưu động vô thường. Đây chính là đả phá lối chấp thường của ngoại đạo. Cho nên các câu, như lạc, tịnh... theo nhau đều quán sát."

Trong đây nói thọ mạng là mạng thường của đương quả.

Quán tánh không, đây là phá chấp muôn pháp đều có bệnh "Tánh".

Quán vô sở hữu "Không", đây là phá chấp có pháp Vô vi, là chứng bệnh của người mắc phải sợi dây trói chặt. Tìm kiếm muôn hữu không có, giả cho là không. Tự có chúng sinh tiềm kiếm danh, rồi chấp giả dối. Nghe nói pháp "Không" rồi cho là có pháp "Không" này.

Đoạn thứ mười, kế là quán "Không", "Không" đả phá chứng bệnh này của chúng sinh ra là "Hữu", là đối tượng chấp "Không". "Không này là nói "Không" này là "Vô", đã nghe "Không" đối với "Không" này, lại cho rằng quán này là "Đúng". Kế là lại đả phá "Đúng", nói "Đúng". "Đúng" nghĩa là vượt ngoài chẳng đúng là nói "Chỗ đúng" cũng "Vô".

Đoạn chín là Đệ nhất nghĩa không, quán trí năng quán này lý chánh quán vô sinh. Đoạn thứ mười một là "Đại không" này, thể chẳng thật có. Hai "Không" này đều là lý vô sinh. ngoài ra chín "Không" đều tùy theo việc mà phá bệnh, nên nói chẳng phải lý vô sinh."

"Này người thiện nam! "Không" hữu vi, nghĩa là pháp hữu vi" cho đến "Đây gọi là Bồ-tát quán "Không" vô vi".

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Sinh diệt là hữu vi, chẳng có sinh diệt là vô vi. Nay, nói "Không". Trong "Có" nghĩa là "Không có", đồng với trong ngoài."

Pháp sư Tăng Tông nói: "Cũng "Không" lẫn nhau. Hữu vi là pháp do duyên thành, cái có thể gọi vô là vô không.

Nói "Không" trong ngoài,... nêu các pháp này là "Không", nói về pháp hữu vi là giả hữu, vô các pháp này.

Pháp sư Bảo Lượng nói: "Pháp hữu vi cũng không là Tam bảo..., là pháp vô vi. Nếu quán pháp hữu vi là "Không" thì sẽ chẳng thấy sự khác nhau với vô vi, mới biết được quán hữu vi đã thành. Nêu pháp vô vi để chứng thành. "Không" vô vi, là có một người phát đầu tiên, bèn quán ba quán vô vi, nghĩa là quán Niết-bàn hữu dư, tạo ra các duyên vô vi. Quán Niết-bàn vô dư, tạo ra phi số duyên diệt vô vi. Quán như thế sẽ không thấy hữu vi khác với vô vi. Hữu vi cũng không, mới là quán vô vi thành. Thế nên nêu vô vi để chứng thành cũng phân biệt các pháp như Tam bảo... khác với hữu vi, vô vi. Nếu khiến cho thần minh không

có căn bản tốt đẹp này thì vì sao đến lúc vô vi "Không" lại chọn tánh chánh nhân ư?"

"Đại Bồ-tát quán thế nào về "Không" vô thỉ?" cho đến "Đó gọi là Bồ-tát quán "Không vô thỉ."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Ngoại đạo cho rằng hữu vi, vô vi đều là vô thỉ, nên gọi "Vô thỉ không".

Pháp sư Tăng Tông nói: "Khiển trách chấp Chân đế. Trong Phật pháp nói đều do, các hành vô minh tạo ra khổ sinh tử, đâu có minh đế nào là điểm bắt đầu? Nay, dùng tâm giải soi sáng, biết được vô thỉ nên nói chấp đó của ngoại đạo là trống không" cho đến "đây gọi là Đại Bồ-tát quán tánh không."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Pháp từ "Duyên" mà được. Vì không có tánh nên gọi là không. Hữu vi từ duyên mà được, vô duyên từ duyên mà thấy, đều không có tánh."

Pháp sư Tăng Tông nói: "Ở đây nói thể tánh các pháp là "Không", đâu cần phải bỏ bệnh ư? Cho nên nêu thường, vô thường, cả hai đều có, vì vô thường là không, nên không nói, nay nói về thường mới đối lại với Thế đế là "Diệu hữu". Nhưng pháp này đã sinh ra từ sự đối đãi nhau, vì đối đãi là giả, cho nên tướng và "Không".

Pháp sư Bảo Lượng nói: "Tánh của không vô thỉ là không, đều do dứt chấp mà đặt tên. Bồ-tát quán muôn pháp xưa nay vô thỉ, cho đến sinh tử và Tâm bảo, Phật tánh đều không, đây là dùng cái sau để chứng cái trước. Vô tánh cũng giống như vậy, đâu có minh sơ, thế tánh ư?"

"Đại Bồ-tát làm thế nào?" cho đến "Đại Bồ-tát quán không vô sở hữu?"

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Không này vốn là nói theo con người."

Pháp sư Tăng Tông nói: "Đây là dùng trí để xét về Không, chẳng lấy không có con để thí dụ, mà lấy người nghèo cùng để nói tất cả rỗng không làm thí dụ."

Pháp sư Bảo Lượng nói: "Đây là quán không theo Tập quán, chẳng có gì để chứng thành. Nhận thấy trực tiếp thể tánh của tất cả muôn pháp đều không, tức là điều mà trong kinh Đại phẩm đã nói."

"Đại Bồ-tát?" cho đến "Đó gọi là Đại Bồ-tát quán Đệ nhất nghĩa không."

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Hiện tại không có mắt, là hữu vi Không."

Pháp sư Tăng Tông nói: "Nêu hai pháp giả danh và thật pháp là

không. Mắt... là không. Mắt... là tác giả thật, có nghiệp là giả danh. Hai nhà này vô sinh, là vì tốt đẹp hơn đối với pháp hữu vi, nên thọ lãnh Đệ nhất nghĩa! Không là chẳng có giả thật, chỉ là dựa vào giả thật để nói về không!"

Pháp sư Bảo Lượng nói: "Đây là không của pháp thật, nói thế là sao? Vì không có từ đâu đến và đi về đâu, nên biết được pháp thật là không. Sở dĩ nêu tác giả là vì cái không giả danh, để chứng thật pháp Không thành. Nếu không thấy sự khác nhau giữa giả thật thì biết rằng thật pháp không thành.

Đại Bồ-tát quán sát "Không không" như thế nào?" cho đến "Đây gọi là Đại Bồ-tát quán sát "Không không".

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Là có là không, đó gọi là Không Không, nghĩa là hữu không này cũng không, cái vô không này cũng không, vì cái không sau không cái không trước, nên lập ra không không, nhằm phá tan sự tồn tại của người chấp tướng, là thị phi thị, đó gọi là không không. Nghĩa là hai không đều gọi cả hai câu trên. Kế là song phi, kế là câu kết. Vì sao? Vì muốn bỏ cái không sau, không được không có cái vốn là không, nên cả hai đều phi, sau đó là câu kết."

Pháp sư Tăng Tông nói: "Chín "Không" là bỏ "Hữu", chỉ có "Không" này. Tâm người sinh chấp đắm, cho rằng có cái "Không" này, là vì thật có cho, nên bỏ.

Là hữu là vô, nghĩa là chín "Không" ở trước của ông, cái vô bị bỏ cũng chẳng có cái vô này. Vì bỏ hữu, nên nói là vô, há có cái vô để đợi ư? Tức là hữu hay vô cái không này nên nói là không không."

Là phải, chẳng phải đây gọi là không không, nghĩa là tìm chúng sinh lần lượt sinh ra tai hại, trong sự dứt bỏ chấp đắm, xoay vần sinh ra tai họa ý nói trước đây đã lấy không để bỏ hữu. Đây là vì đối nhau mà đặt tên, nên không thật có. Nay, nói hai chấp đều bỏ, tâm này là hơn, muốn bảo thủ tâm xả này thì lại bị tai hại!

Là đúng, chỉ cho ý chỉ trong vòng. Nếu cho rằng, ý chỉ này là cùng cực thì cũng không có ý chỉ này, đây tức là lý và tâm đều không thật có, nghĩa là "Không không"."

Pháp sư Bảo Lượng nói: "Đây là đối tượng chứng đắc của Địa Pháp Vân, "Không không" có hai thứ. Như xưa người Tiểu thừa đã quán muôn hữu là "Không". Vì ái chấp đắm "Không" này, nên mới nói không này tức là không, cũng gọi là không không. Lại, có một thứ quán muôn hữu là "Một không". Trí quán không này lại tức thể là không, đây cũng là "Không không".

Nay nói "Không", đều khác với hai thứ "Không không" nói trên. Vì sao? Vì từ Cửu địa trở xuống cho đến tín đứng đầu năm căn, chẳng phải không có tướng mạo. Tin biết tám tự tại "Ngã" không, chỉ cho Cửu địa về sau, đều lập ra quán vô ngã này, về sau đến Thập địa, thấy phần ít tám tự tại "Ngã" không. Vì nhờ "Không" mà được "Không", nên nói là "Không không", cũng tức là tam-muội không. Đây chính là chỗ người Nhị thừa mê muội, chìm mất! Khen ngợi lý "Không" nhiệm mầu này, chẳng phải là đối tượng duyên của tâm mình!

Là hữu là vô: Là tên của hai pháp. Là hữu nghĩa là Cửu địa trở xuống đã được "Không" vô ngã. "Không" vô ngã này do dứt bỏ "Không" . Lại "Không" này đã là pháp của "Sự tượng", nên lại tạo ra thuyết có danh.

Là vô, là tám tự tại ngã "Không" này. Lúc được "Không" này, tâm hữu, vô đều không hiện hành. Nếu tạo ra có lấy cũng không được, tác động không có lấy cũng không được. Hai tâm hữu, vô đã được hoạt động, tức là vì hiểu Trung đạo, nên nói là vô, là tên của hai pháp đã xong. Sau kết thúc gọi là "Không không".

Là phải, nghĩa là hiểu, lãnh hội ý chỉ này, nghĩa là ý bình định. Lại là vô ngã mà Cửu địa ở trước đã chứng được, là "Không" của "sự tượng". "Sự tượng" là pháp hữu, nên nói là đúng.

Là chẳng phải, nghĩa là lại chẳng phải là người của Cửu địa, nghĩa là Cửu địa trở xuống đã được "giải không" là cùng cực. Nay, thì chẳng phải cùng cực. Nếu nhờ "Không" vô ngã, được "Ngã không" của tám tự tại thì sẽ được nói chẳng phải hướng, nghĩa là không mà Cửu địa đã được, nên nói là chẳng phải. Vì thế nên văn nói: "Thập trụ vẫn còn thông đạt phần ít trong đây, huống chi là Cửu địa trở xuống mà được ư? Không lập ra kiến giải này, tức là không lãnh hội được ý chỉ của văn kinh."

"Này người thiện nam! Đại Bồ-tát làm thế nào?" cho đến "Thì sẽ được trụ trong địa "Hư không đẳng".

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: "Vì với tất cả hữu đều không, nên gọi là Bát-nhã, cũng vì không tất cả tướng, nên gọi là Đại không."

Pháp sư Tăng Tông nói: "Nghĩa là thể của trí cũng "không", hai ví dụ ở dưới đều làm đẹp cho kiến giải bình đẳng."

Pháp sư Bảo Lượng nói: "Thập địa đầy đủ, chính là Kim Cương. Tâm Kim Cương soi rọi hết muôn pháp, gọi là Học địa. Nhất thiết chủng trí đủ năm nhãn của Phật, gọi là Bát-nhã ba-la-mật, trí tuệ đầy đủ".

❐